TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2021
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuôi
Ông Nguyễn Thành Công

Th ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 178/2021/TLST-HN ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐST-HN ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trương Thị Châu Ph, sinh năm 1993
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: anh Lê Văn M, sinh năm 1994
Địa chỉ: Ấp 6, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01-3-2021 và bàn tự khai 10-5-2021 nguyên đơn Trương Thị Châu Ph trình bày: Chị ph với anh Lê Văn M quen biết nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 21-4-2014. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Đến 2015 lúc anh M đi làm có quan hệ không trong sáng với người phụ nữ bên ngoài tên "Tơ", từ đó chị ph với anh M không còn sống chung với nhau, chị về nhà mẹ ruột sống nuôi con cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị ph yêu cầu xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con Lê Thị Anh Th, sinh ngày 14/02/2014 hiện đang sống với chị ph. Sau khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con và rút lại không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nữ trang cưới gồm có 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24Kra và 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24Kra. Số vàng này lúc vợ chồng sống chung bán hết tiêu xày trong gia đình không còn, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn M từ khi Tòa án thụ lý đến khi mở phiên tòa không tham dự nên không có ý kiến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 21 tháng 4 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp cho chị Trương Thị Phương Châu với anh Lê Văn M đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Phương Châu với anh Lê Văn M có đăng ký hộ khẩu Thờng trú tại ấp Ấp 6, xã A, huyện C, tỉnh T. Xác định là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Càng Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân yêu cầu xin ly hôn của chị ph là do anh M bỏ gia đình quen với một người phụ nữ khác tên "Tơ" không còn quan tâm, lo cho gia đình. Thấy rằng, chị ph yêu cầu xin ly hôn với anh M là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình tố tụng, chị ph có cung cấp cho Tòa án hình ảnh quan hệ bất chính giữa anh M với người phụ nữ khác tên "Tơ" do người phụ nữ này gửi cho chị ph qua tin nhắn điện thoại và thực tế anh M với chị ph không còn sống với nhau từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ Thơng yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình tố tụng, anh M đã được Tòa án triệu tập để Tòa án giải quyết mục đích nhằm hàn gắn cho vợ chồng đoàn tựu nhưng anh M không đến hằn gắn tình cảm vợ chồng với chị ph xem như anh M từ bỏ không còn quan tâm đến hôn nhân này; nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân của chị ph với anh M thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Từ những nguyên nhân mâu thuẫn trên, việc yêu cầu xin ly hôn của chị ph là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con Lê Thị Anh Th, sinh ngày 14/02/2014. Sau khi ly hôn, chị ph xin được tiếp tục được quyền nuôi con. Thấy rằng, hiện nay anh M đã không còn sống chung với chị ph và

hiện cháu Th đang sống với chị ph thích nghi với điều kiện sinh hoạt hằng ngày và cháu Th là con gái nên về mặc tâm sinh lý sẽ phù hợp sống với mẹ là tốt nhất. Nghỉ sau khi ly hôn nên giao cho chị ph được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung sẽ đảm bảo về mặc tâm, sinh lý và sinh hoạt, học tập của con tốt hơn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Sau khi Hội đồng xét xử giải thích quyền lợi của người nuôi con nhưng chị ph không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng chị ph trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M không có lời khai nếu có phát sinh tranh chấp các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị Châu Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Châu Ph được ly hôn với anh Lê Văn M. Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 21 tháng 4 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp cho chị Trương Thị Phương Châu với anh Lê Văn M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Châu Ph được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Lê Thị Anh Th, sinh ngày 14/02/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Châu Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lê Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng chị ph trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có phát sinh tranh chấp các bên được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Châu Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005122 ngày 13 tháng 4 năm 2021 mà chị ph đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Do đó, chị Xuân không còn phải nộp tiếp.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Chị Trương Thị Châu Ph và anh Lê Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm